

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **302/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-4-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Cẩm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Tuyết Hằng

2. Ông Vũ Huy Hoàng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Hiếu – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:**  
Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 563/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Trang Mỹ N**, sinh năm: 1975; Địa chỉ: P6-08 KDC P5 ấp 3, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Trần Quốc K**, sinh năm: 1973; Địa chỉ: P6-08 KDC P5 ấp 3, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông K vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn ngày 11/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn bà Đặng Trang Mỹ N trình bày:*

Bà và ông Trần Quốc K chung sống với nhau từ năm 2001, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2001 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng khi bà có đứa con thứ hai thì ông K thay đổi và xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông K có nhiều tình cảm quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác ở bên ngoài và cũng hay bao lực. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng khó hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Trần Quốc K.

Về con chung, bà và ông K chung sống có hai con chung tên Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 02/4/2003, đã thành niên và Trần Quốc Minh K, sinh ngày 09/12/2007.

Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng.

Về tài sản chung, bà và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho ông Trần Quốc K gồm: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Trần Quốc K vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

*- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Đặng Trang Mỹ N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Trần Quốc K, theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Trần Quốc K hiện đang cư ngụ tại địa chỉ P6-08, KDC P5, ấp 3A, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Nguyên đơn bà Đặng Trang Mỹ N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn ông Trần Quốc K, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Trần Quốc K nhưng ông K vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông K theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 46, Quyền số 01/2001 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 04/5/2001 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông K là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Theo trình bày của bà N xác định giữa bà và ông K phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông K có sự thay đổi về tình cảm, có mối quan hệ không rõ ràng với người phụ nữ khác ở bên ngoài, hay bạo lực. Vì vậy, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông K. Còn ông K vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến, yêu cầu về các yêu cầu khởi kiện của bà N.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù theo kết quả trả lời xác minh Ủy ban nhân dân xã H, huyện Bình Chánh tại Công văn số 820/UBND ngày 28/3/2022 xác nhận mâu thuẫn không rõ, hiện nay cả nhà đang sinh sống cùng nhau. Tuy nhiên, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì ông K vắng mặt, như vậy, mâu thuẫn giữa bà N và ông K là có diễn ra. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà N và ông K đã không đạt được, đời sống chung giữa hai vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, bà N yêu cầu ly hôn đối với ông K là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Bà N xác nhận giữa bà và ông K có hai con chung tên Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 02/4/2003, đã thành niên và Trần Quốc Minh K, sinh ngày 09/12/2007. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con cùng bà.

[7.1] Về quyền nuôi con sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận định: Theo Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 18/02/2022 của trẻ Trần Quốc Minh K thì trẻ có nguyện vọng được sống với mẹ. Do vậy, theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xem xét khả năng của các đương sự về việc đảm bảo cuộc sống ổn định, tinh thần cho con sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung tên Trần Quốc Minh K cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Trần Ngọc Khánh V đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7.2] Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Ông K vắng mặt không thể hiện ý kiến của mình về cấp dưỡng nuôi con, còn bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con cùng bà. Tuy nhiên, do đây là quyền lợi của trẻ, do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết việc cấp dưỡng là tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông K.

[8] Về tài sản chung: Bà N xác định để bà và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông K vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về tài sản chung giữa ông và bà N. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của bà N, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Về nợ chung: Bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông K vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về nợ chung giữa ông và bà N. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của bà N, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án thì nguyên đơn bà Đặng Trang Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Trang Mỹ N đối với bị đơn ông Trần Quốc K về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Bà Đặng Trang Mỹ N được ly hôn với ông Trần Quốc K. Quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Trang Mỹ N và ông Trần Quốc K chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 46, Quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 04/5/2001 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Bà Đặng Trang Mỹ N và ông Trần Quốc K có hai con chung tên Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 02/4/2003, đã thành niên và Trần Quốc Minh K, sinh ngày 09/12/2007. Giao con chung tên Trần Quốc Minh K cho bà Đặng Trang Mỹ N nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Trần Quốc K.

Ông Trần Quốc K có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Bà Đặng Trang Mỹ N xác định để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

1.4 Về nợ chung: Bà Đặng Trang Mỹ N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Đặng Trang Mỹ N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà N đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0040119 ngày 26/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND xã L, huyện  
C, Tỉnh Tiền Giang (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

**Trần Thị Hồng Cẩm**

